

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2021

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN - NINH BÌNH**

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Công Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

2. Ông Bùi Xuân Phúc.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung - Thư ký viên tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Đào Sỹ Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/4/2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST- DS ngày 14/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST ngày 27/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1994.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn K, sinh năm 1990.

Đều có địa chỉ: Thôn AK, xã QL, huyện N, tỉnh N.

(Chị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 19/4/2021 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Nho Quan nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị B và anh Bùi Văn K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QL, huyện N, tỉnh N trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào ngày 01/3/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng nhà với bố mẹ chồng tại thôn AK, xã QL, huyện N. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là trước khi kết hôn chưa tìm hiểu kỹ về nhau, quá trình sống chung bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi, chửi nhau. Đến đầu năm 2021 nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc nên đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống ly thân với anh K. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn K.

2. Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Văn K đã được tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng để anh K biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, nhưng anh K không đến tòa án làm việc để trình bày quan điểm ý kiến của mình về việc chị B làm đơn ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 09/7/2021 UBND xã QL xác nhận thông tin về mối quan hệ hôn nhân của anh K và chị B đúng như chị B trình bày, đề nghị tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 266; Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Bùi Văn K.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị B đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan nay chuyển sang án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn AK, xã QL, huyện N, tỉnh N, Tòa án nhân dân huyện N đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết là đúng quy định. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, vì bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, phiên tòa đã được hoãn lần thứ nhất do bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Bùi Văn K tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã QL, huyện N, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/3/2019. Do vậy hôn nhân giữa chị B và anh K được công nhận là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị B, anh K hạnh phúc được khoảng thời gian 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau về tính cách, không có con chung, từ đầu năm 2021 đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh K mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được tòa án tổng đạt thông báo hòa giải nhưng anh K không đến tòa án làm việc hòa giải, chứng tỏ anh K không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ vợ chồng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chị B, anh K không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị B không đề nghị tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị B phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 5; Điều 147; Điều 227, Điều 228 ; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Xử: cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Bùi Văn K.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị B đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003319 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan nay chuyển sang án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị B, anh K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSNQ tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Nho Quan;
- THADS huyện Nho Quan;
- UBND xã QL;
- Dương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

HỨA CÔNG NGUYÊN